

Số: /HD-SNN

Đồng Tháp, ngày 8 tháng 7 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và các quy định hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết);

Thực hiện Công văn số 05/UBND-KT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc ban hành Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp sở, ban ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết, cụ thể như sau:

PHẦN I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động chăn nuôi trên địa bàn Tỉnh nhằm tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, từng bước sắp xếp các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi được quy định trong Nghị quyết phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp.

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, đúng quy định và hiệu quả.

II. YÊU CẦU

Quá trình thực hiện phải đảm bảo phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa các sở, ngành và địa phương; bám sát nội dung và lộ trình thực hiện Nghị quyết, tránh làm xáo trộn ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

PHẦN II

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN VỀ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI VÀ VỀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC HỖ TRỢ KHI DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI RA KHỎI KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI

I. CHĂN NUÔI TRONG KHU VỰC ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI

1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm

a) Đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại phải đáp ứng các điều kiện:

i) Tuân thủ Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT, cụ thể:

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở chăn nuôi đang hoạt động.

- Nội dung kê khai hoạt động chăn nuôi về loài vật nuôi, số lượng vật nuôi theo quy định tại ***Phụ lục I đính kèm***.

- Thời gian thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi định kỳ từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý theo biểu mẫu quy định tại ***Phụ lục II đính kèm***.

ii) Tuân thủ Điều 55 Luật Chăn nuôi, cụ thể:

- Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi.

- Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý

chất thải chăn nuôi.

- Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi.
- Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.
- Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

iii) Tuân thủ Điều 59, Điều 61 Luật Chăn nuôi quy định về xử lý chất thải trong chăn nuôi trang trại, xử lý tiếng ồn trong hoạt động chăn nuôi, cụ thể:

- Chất thải chăn nuôi bao gồm chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ, nước thải chăn nuôi, khí thải và chất thải khác.
- Việc xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ được quy định như sau:
 - + Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản.
 - + Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.
 - + Vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.
- Việc xử lý nước thải chăn nuôi được quy định như sau:
 - + Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - + Nước thải chăn nuôi đã xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được sử dụng cho cây trồng.
 - + Nước thải chăn nuôi chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.
- Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm xử lý khí thải từ hoạt động chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải chăn nuôi.
- Việc xử lý chất thải khác phải tuân thủ quy định của pháp luật về thú y, bảo

vệ môi trường.

- Tiếng ồn trong hoạt động chăn nuôi bao gồm tiếng ồn phát ra từ vật nuôi, thiết bị sử dụng trong hoạt động chăn nuôi.

- Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại, chủ chăn nuôi nông hộ phải xử lý tiếng ồn phát ra trong hoạt động chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn trong hoạt động chăn nuôi.

iv) Tuân thủ Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT quy định khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại, cụ thể:

- Nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến tường rào hoặc ranh giới của đối tượng chịu ảnh hưởng; Nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến trang trại chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi của trang trại khác.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100 mét; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150 mét.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 300 mét.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét.

- Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét.

v) Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên) tại địa phương phải được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi theo Điều 23 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ quy định về cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi

trang trại quy mô lớn theo mẫu ***Phụ lục III đính kèm.***

- Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi theo mẫu ***Phụ lục IV đính kèm.***

b) Đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nông hộ phải đáp ứng các yêu cầu:

i) Tuân thủ Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT, cụ thể:

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở chăn nuôi đang hoạt động.

- Nội dung kê khai hoạt động chăn nuôi về loài vật nuôi, số lượng vật nuôi theo quy định tại ***Phụ lục I đính kèm.***

- Thời gian thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi định kỳ từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý theo biểu mẫu quy định tại ***Phụ lục II đính kèm.***

ii) Tuân thủ Điều 56 Luật Chăn nuôi, cụ thể:

- Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người.

- Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi.

- Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

iii) Tuân thủ Điều 60, Điều 61 Luật Chăn nuôi quy định về xử lý chất thải trong chăn nuôi nông hộ, xử lý tiếng ồn trong hoạt động chăn nuôi, cụ thể:

- Có biện pháp xử lý phân, nước thải, khí thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường và không gây ảnh hưởng đến người xung quanh.

- Vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

- Tiếng ồn trong hoạt động chăn nuôi bao gồm tiếng ồn phát ra từ vật nuôi, thiết bị sử dụng trong hoạt động chăn nuôi.

- Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại, chủ chăn nuôi nông hộ phải xử lý tiếng ồn phát ra trong hoạt động chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn trong hoạt động chăn nuôi.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện dẫn dụ nuôi chim yến

a) Vùng nuôi chim yến tuân thủ quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối với cơ sở nuôi chim yến:

i) Quản lý nuôi chim yến tuân thủ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số

13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi năm 2018; Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động nuôi chim yến, có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ thông tin về hoạt động nuôi chim yến, sơ chế, bảo quản tổ yến bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm chim yến.

- Thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến có cường độ âm thanh đo tại miệng loa không vượt quá 70 dBA (Đề xi ben A); thời gian phát loa phóng để dẫn dụ chim yến từ 5 giờ đến 11 giờ 30 và từ 13 giờ 30 đến 19 giờ mỗi ngày.

- Không săn bắt; không dẫn dụ chim yến để sử dụng vào mục đích khác ngoài mục đích nuôi chim yến để khai thác tổ yến, nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác, sơ chế, bảo quản tổ yến phải thực hiện các yêu cầu sau (khoản 3, Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP):

- + Ban hành và tuân thủ quy trình kỹ thuật khai thác, sơ chế, bảo quản tổ yến.

- + Khu vực, nhà, xưởng phục vụ sơ chế, bảo quản tổ yến phải cách xa nguồn gây ô nhiễm, đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

- + Có biện pháp ngăn ngừa, xử lý phù hợp để bảo đảm sinh vật gây hại không xâm nhập vào khu vực sơ chế, bảo quản tổ yến.

- + Có nguồn nước sử dụng trong sơ chế tổ yến đạt yêu cầu tiêu chuẩn nước sinh hoạt.

- Tổ yến sau sơ chế phải bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật quy định tại ***Phụ lục V đính kèm***.

- Đối với tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến⁽¹⁾ được tổ chức, cá nhân công bố là thực phẩm chức năng thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế đề nghị các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các quy định như sau:

- + Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- + Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư

⁽¹⁾ Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến thuộc Danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn (*Ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ*).

kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

+ Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ Y tế về hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến được sử dụng làm dược liệu, thực phẩm chức năng, chủ động liên hệ Sở Y tế (*Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm*), để được hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện xin Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế, cấp giấy chứng nhận theo quy định.

ii) Chủ cơ sở phải tuân thủ theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã về thủ tục đất đai và thủ tục xây dựng nhà yến đúng quy định.

iii) *Thực hiện vệ sinh thú y và phòng chống dịch bệnh:*

- Cơ sở dẫn dụ nuôi chim yến phải có trang phục bảo hộ như quần áo, giày, ủng, khẩu trang. Người làm việc, vệ sinh, chăm sóc tại nhà yến hoặc người lạ, khách tham quan đến nhà yến phải mặc trang phục bảo hộ và rửa tay bằng xà phòng, thuốc sát trùng trước khi vào và sau khi ra khỏi nhà yến.

- Nhà yến phải làm vệ sinh thường xuyên và thực hiện các biện pháp tiêu độc, khử trùng định kỳ ít nhất 1 lần/tuần. Không sử dụng chất khử trùng ảnh hưởng đến chất lượng tổ yến. Trong trường hợp chống dịch, thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- Dụng cụ phục vụ việc khai thác tổ yến phải được làm vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước và sau khi sử dụng.

- Chất thải từ việc nuôi chim yến phải được thu gom, tiêu độc, khử trùng và xử lý bằng một trong các biện pháp ủ, đốt, chôn lấp hoặc phương pháp khác nhằm đảm bảo an toàn trước khi đưa ra môi trường.

iv) *Thực hiện quy định về giám sát tình trạng sức khỏe và xử lý dịch bệnh (theo quy định nêu tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn):*

- Cơ sở nuôi chim yến phải thường xuyên giám sát tình trạng sức khỏe của đàn chim yến. Nếu có hiện tượng chim chết bất thường, phải báo ngay cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan thú y để xử lý kịp thời.

- Cơ sở nuôi chim yến phải được kiểm tra, giám sát và lấy mẫu xét nghiệm định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan thú y.

- Trong trường hợp có dịch bệnh, cơ sở nuôi chim yến phải thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của

cơ quan thú y. Trong thời gian phát sinh dịch bệnh, tất cả tổ yến được khai thác từ những địa phương đã công bố dịch phải được xử lý theo hướng dẫn trước khi tiêu thụ.

- Những người tham gia thu hoạch, chế biến và bảo quản tổ yến phải sử dụng các dụng cụ, thiết bị, trang phục bảo hộ lao động để đảm bảo an toàn dịch bệnh. Các dụng cụ, trang thiết bị sử dụng trong quá trình khai thác và sơ chế, bảo quản tổ yến phải được vệ sinh, tiêu độc sát trùng trước và sau khi sử dụng để tránh lây nhiễm về mặt vi sinh và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Quy định liên quan đến thủ tục đầu tư xây dựng công trình chăn nuôi, nuôi chim yến

a) Thủ tục đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình chăn nuôi, nuôi chim yến nói chung, ... thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (quy định tại khoản 3 Mục V của Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng). Do đó, khi đầu tư xây dựng, tùy thuộc vào quy mô công trình mà trong quá trình đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 (Luật số 62/2020/QH14); Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Trước khi xây dựng công trình phải đảm bảo các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14. Mặt khác, phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Về đất đai:

- Việc sử dụng đất phải thực hiện đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Công trình xây dựng đảm bảo triển khai trên phần đất đúng với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (Luật Đất đai năm 2013). Cụ thể:

- Trường hợp xây dựng chuồng trại nuôi chim yến biệt lập, không có người ở thì mục đích sử dụng đất được xác định là đất nông nghiệp khác.

- Trường hợp xây dựng nhà ở kết hợp để nuôi chim yến ở thì mục đích sử dụng đất được xác định là đất ở tại nông thôn hoặc đất ở tại đô thị.

- Về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thực hiện theo Quyết định số 1859/QĐ-UBND-HC ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 1860/QĐ-UBND-HC ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên thông và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

c) Về xây dựng: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng (đối với công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng) được thực hiện theo các quy định của pháp luật như: Luật Xây dựng năm 2014, Luật số 62/2020/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP⁽²⁾, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP⁽³⁾, các Thông tư hướng dẫn, Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp⁽⁴⁾, Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp⁽⁵⁾,...

d) Về môi trường:

Thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường⁽⁶⁾.

đ) Về phòng, chống cháy, nổ: Thực hiện quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một

⁽²⁾ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

⁽³⁾ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

⁽⁴⁾ Phân công, phân cấp thẩm định: Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁽⁵⁾ Phân công, phân cấp cấp giấy phép xây dựng: Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁽⁶⁾ Đối với dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp hoặc Dự án chăn nuôi có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa phải thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường. Cấu trúc và biểu mẫu lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Quyết định số 378/QĐ-UBND-HC ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính thay thế; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường, đa dạng sinh học, khí tượng, thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

e) Công tác quản lý trật tự xây dựng: Thực hiện quy định của Nghị định số 16/2022/NĐ-CP⁽⁷⁾, Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp⁽⁸⁾, Quyết định số 272/QĐ-UBND.HC ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp⁽⁹⁾.

II. CHĂN NUÔI TRONG KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI, HƯỚNG DẪN DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM

1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm

- Chủ cơ sở thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi và ghi chép hồ sơ như quy định đã nêu tại khoản 1, mục I, Phần II của Hướng dẫn này.

- Chủ cơ sở có kế hoạch di dời và thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi **trước ngày 01/01/2025**, thì được hỗ trợ chính sách di dời theo Điều 6 của Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chủ cơ sở phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã thông tin về cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi; đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã thời gian dự kiến di dời, địa điểm di dời.

- Sau khi thực hiện xong việc di dời đến địa điểm phù hợp và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý địa bàn nơi cơ sở chăn nuôi cũ và cơ sở chăn nuôi mới thì chủ cơ sở chăn nuôi báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi cơ sở chăn nuôi cũ) thẩm định và xem xét hỗ trợ.

- Khi di dời đến địa điểm mới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thì cơ sở chăn nuôi phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Hướng dẫn này và các quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện dẫn dụ nuôi chim yến

- Thực hiện theo Quy định tại Điều 5. Quy định vùng nuôi chim yến của Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

- Chủ cơ sở phải tuân thủ theo quy định đã nêu tại khoản 2, mục I, Phần II của Hướng dẫn này.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động của các nhà yến trên địa bàn quản lý.

⁽⁷⁾ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

⁽⁸⁾ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp quy định về quản lý trật tự xây dựng và phân cấp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

⁽⁹⁾ Quyết định số 272/QĐ-UBND.HC ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về ban hành quy chế phối hợp hoạt động quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Chính sách hỗ trợ di dời

- Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Điều 6. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Điều 7. Tổ chức thực hiện và kinh phí hỗ trợ tại Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

- Để thuận tiện cho các địa phương thực hiện đồng bộ về chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, đề nghị các địa phương thực hiện theo các biểu mẫu số 01 đến biểu mẫu số 05.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ, trước ngày 20/12 hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Tiếp nhận, tổng hợp thông tin về đề nghị hỗ trợ cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi từ Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*sau khi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tiến hành thẩm định danh sách*), trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kinh phí cho địa phương thực hiện chi hỗ trợ theo quy định.

- Giao Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản:

+ Phối hợp đơn vị liên quan hướng dẫn các đơn vị chuyên môn cấp huyện thực hiện nhập liệu vào mẫu excel, để tổng hợp các tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm, dẫn dụ chim yến kê khai hoạt động chăn nuôi về loài vật nuôi, số lượng vật nuôi theo nội dung Hướng dẫn này và các quy định có liên quan (*đính kèm biểu mẫu số 01 đến biểu số 09, thống kê tổng đàn vật nuôi và di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*); tham mưu, thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi theo Điều 23 Nghị định 13/2020/NĐ-CP quy định về cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định. Kịp thời tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn những vấn đề phát sinh liên quan giải quyết theo thẩm quyền.

+ Phối hợp với Sở Y tế tuyên truyền phòng chống dịch lây truyền từ động vật sang người theo Kế hoạch số 31/KHLN-SYT-SNN&PTNN ngày 27/3/2017 của Sở Y tế và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác phòng chống dịch lây truyền từ động vật sang người.

- Phối hợp đơn vị chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan triển khai hướng dẫn thủ tục chăn nuôi, trình tự thẩm định kinh phí hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định.

2. Đề nghị Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo tại Công văn số 05/UBND-KT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác thẩm định kinh phí hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thực hiện chi hỗ trợ theo quy định; hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán theo đúng quy định.

3. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo tại Công văn số 05/UBND-KT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thẩm định các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh và thuộc đối tượng quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020.

4. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo tại Công văn số 05/UBND-KT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác thẩm định kinh phí hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thực hiện chi hỗ trợ theo quy định.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi thuộc phạm vi quản lý của ngành.

5. Đề nghị Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo tại Công văn số 05/UBND-KT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sơ chế, bảo quản và chế biến tổ yến theo quy định của pháp luật; đồng thời hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến được sử dụng làm dược liệu, thực phẩm chức năng,... theo đúng quy định.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền phòng chống dịch lây truyền từ động vật sang người theo Kế hoạch số 31/KHLN-SYT-SNN&PTNN ngày 27/3/2017 của Sở Y tế và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác phòng chống dịch lây truyền từ động vật sang người.

6. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo tại Công văn số 05/UBND-KT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, lĩnh vực thu hoạch và chế biến tổ yến; cập nhật, cho ý kiến về công nghệ và thực hiện hỗ trợ hoạt động đổi mới và chuyển giao công nghệ.

7. Đề nghị Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai khai thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh theo chức

năng, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo tại Công văn số 05/UBND-KT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm về xây dựng thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của ngành.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác thẩm định kinh phí hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thực hiện chi hỗ trợ theo quy định.

8. Đề nghị Sở Thông tin và truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trong Tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở thông tin tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân trên địa bàn tỉnh biết, chấp hành và thực hiện đúng quy định.

9. Đề nghị Công an tỉnh

Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị có liên quan kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y (khi có yêu cầu); kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành các quy định về môi trường trong chăn nuôi theo đúng quy định của pháp luật.

10. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai, thực hiện Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo tại Công văn số 05/UBND-KT ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Phân công đơn vị chuyên môn cấp huyện làm đầu mối tiếp nhận thông tin hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh, lập hồ sơ về đất đai, xây dựng, môi trường theo quy định pháp luật; tổng hợp danh sách và thẩm định kinh phí hỗ trợ di dời đối với cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi từ Ủy ban nhân dân cấp xã, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định danh sách và kinh phí hỗ trợ trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thực hiện chi hỗ trợ theo quy định.

- Các đối tượng không thuộc Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn nhà đầu tư triển khai, thực hiện theo quy

định.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện tư vấn, hướng dẫn cá nhân khi đăng ký kinh doanh có đăng ký ngành nghề kinh doanh thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh, khi triển khai hoạt động phải tuân thủ quy định khu vực không được phép chăn nuôi theo Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND.

- Chỉ đạo ngành chuyên môn hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi như: xây mới, coi nói, mở rộng quy mô,... trong khu vực không được phép chăn nuôi theo Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Giao trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cam kết không để phát sinh mới cơ sở chăn nuôi, nhà nuôi chim yến tại khu vực không được phép chăn nuôi thuộc địa bàn quản lý.

- Tổ chức thực hiện hỗ trợ, thanh quyết toán đúng quy định theo phân cấp ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn.

- Định kỳ **trước ngày 10/12 hàng năm** báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phòng Kinh tế; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp địa phương và Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hàng quý (**thời điểm thống kê ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/10 hàng năm theo biểu mẫu số 6 đến biểu mẫu số 9**) tiến hành rà soát, thống kê cơ sở chăn nuôi, tổng đàn vật nuôi, cơ sở dẫn dụ gây nuôi chim và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Tỉnh (**trước ngày 10/01; 10/4; 10/7; 10/10 hàng năm**) theo Biểu mẫu thống kê tổng đàn tại Công văn 1826/SNN-KHTC ngày 25/8/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phối hợp thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn Tỉnh.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Định kỳ hàng quý (**thời điểm thống kê ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/10 hàng năm theo biểu mẫu số 6 đến biểu mẫu số 9**) tiến hành rà soát, thống kê cơ sở chăn nuôi, tổng đàn vật nuôi, cơ sở dẫn dụ gây nuôi chim và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Tỉnh (**trước ngày 10/01; 10/4; 10/7; 10/10 hàng năm**) theo Biểu mẫu thống kê tổng

đàn tại Công văn 1826/SNN-KHTC ngày 25/8/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phối hợp thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn Tỉnh.

+ Tiếp nhận khai báo di dời của người chăn nuôi về cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi (theo biểu số 1) và tổng hợp danh sách khai báo di dời của người chăn nuôi (theo biểu số 2), trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định (*thông qua đơn vị chuyên môn cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công*).

+ Chủ trì phối hợp đơn vị liên quan tiến hành hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh, lập hồ sơ về đất đai, xây dựng, môi trường theo quy định pháp luật; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận kê khai hoạt động chăn nuôi, thủ tục chăn nuôi theo quy định.

11. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm, dẫn dụ chim yến

- Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi, tuân thủ đúng các hướng dẫn theo quy định. Áp dụng các biện pháp an toàn sinh học, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải chăn nuôi, tuân thủ đúng theo pháp luật và các quy định hiện hành.

- Người chăn nuôi phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã thông tin về cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi; đăng ký với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thời gian dự kiến di dời, địa điểm di dời; thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi như: Số lượng vật nuôi, mục đích nuôi, dự kiến ngày xuất bán,... gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi tổng hợp theo đúng theo đúng quy định.

Các nội dung khác có liên quan chưa quy định tại Hướng dẫn này thì thực hiện theo đúng quy định của Luật Chăn nuôi 2018; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; Nghị định 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ; Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

Để hướng dẫn cho các địa phương thực hiện đồng bộ về quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh, ngoài nội dung đề xuất hướng dẫn theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, ban hành; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị sở, ban, ngành Tỉnh liên quan chủ động

phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và ban hành hướng dẫn riêng (nếu có) đối với những nội dung hướng dẫn chuyên môn của ngành theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có phát sinh các quy định mới liên quan, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản) để sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn. Đối với nội dung ý kiến vượt thẩm quyền Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBNDTTQVN Tỉnh (b/c);
- UBND Tỉnh (b/c);
- Các Sở, ngành Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Phòng KT thành phố;
- TTDVNN huyện, thành phố;
- Đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC (NTB).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Tất Đạt

Theo phụ lục II Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

PHỤ LỤC I

Loại vật nuôi và số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai

(đính kèm Hướng dẫn số /HD-SNN ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
I	Gia súc		
1	Trâu	Con	01
2	Bò	Con	01
3	Ngựa	Con	01
4	Dê	Con	05
5	Cừu	Con	05
6	Thỏ	Con	25
7	Heo thịt	Con	05
8	Heo nái	Con	01
9	Heo đực giống	Con	01
II	Gia cầm		
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà điểu	Con	01
6	Chim cú	Con	100
7	Bò câu	Con	30
III	Động vật khác		
1	Hươu sao	Con	01
2	Chim yến	Nhà	01
3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	01
5	Mèo	Con	01
6	Dông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Dế	m ²	05
9	Bò cạp	m ²	01
10	Tằm	Ổ	50
11	Giun quế (trùn quế)	m ²	05
12	Rồng đất	Con	50

Theo mẫu phụ lục III Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

PHỤ LỤC II

Mẫu kê khai hoạt động chăn nuôi

(đính kèm Hướng dẫn số /HD-SNN ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.....

Tên chủ hộ:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại (nếu có):.....,

Số TT	Loại vật nuôi trong quý	Đơn vị tính	Số lượng nuôi trong quý	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong quý (con)	Sản lượng vật nuôi xuất trong quý (kg)	Ghi chú
1									
2									
...									

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi nộp bản kê khai trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử, email, fax.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Họ và tên chủ hộ

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC III

Mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi

(Đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn)

(đính kèm Hướng dẫn số /HD-SNN ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi

CMND/Căn cước công dân số/hộ chiếu.....cấp ngày/...../.....Nơi cấp:.....

1. Địa điểm cơ sở chăn nuôi:.....

2. Đối tượng vật nuôi:

Gia súc:;

Gia cầm:;

Vật nuôi khác:;

3. Đăng ký cấp mới: ☐ Đăng ký cấp lại: ☐

Lý do đề nghị cấp lại (ghi chi tiết):

Các văn bản kèm theo (nếu có):

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đã kê khai./.

....., ngàytháng.....năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC IV

Mẫu bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi

(Đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn)

(đính kèm Hướng dẫn số /HD-SNN ngày / /2022
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

Về điều kiện chăn nuôi

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận
đủ điều kiện chăn nuôi)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ CHĂN NUÔI

1. Tên cơ sở chăn nuôi:
2. Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi:
3. Địa chỉ: Số điện thoại: Email:
4. Hình thức xây dựng (mới/cũ/mở rộng):
5. Tổng diện tích cơ sở chăn nuôi:m², trong đó:
 - a) Diện tích chuồng nuôi (m²):
 - b) Diện tích khu xử lý chất thải (m²):

II. ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

1. Địa điểm xây dựng:
 - a) Vị trí xây dựng:
 - b) Nhu cầu nước (m³/năm):
 - c) Trữ lượng cung cấp nước (m³/năm):
2. Chuồng trại chăn nuôi: Mô tả khái quát về thiết kế tổng thể, bố trí mặt bằng trang trại, kiểu chuồng, trang thiết bị.
3. Bản sao, chụp tài liệu chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Sổ sách quản lý: Sổ ghi chép phục vụ quá trình chăn nuôi.

CHỦ CƠ SỞ CHĂN NUÔI

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC V
Chỉ tiêu chất lượng tổ yến sơ chế

(đính kèm Hướng dẫn số /HD-SNN ngày /6/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Các chỉ tiêu	Mức yêu cầu
Màu sắc tổ yến nhà	Trắng, trắng ngà
Màu sắc tổ yến đảo	Đỏ, hồng, cam, trắng
Mùi vị	Có mùi đặc trưng, không có mùi lạ
Tạp chất	Không phát hiện khi kiểm tra bằng kính hiển vi phóng đại 5 - 10 lần
Độ ẩm	< 15%
Protein	≥ 40%
Acid Amin	46% - 50%
Sialic Acid	≥ 5%
Nitrite	≤ 30 mg/kg
Salmonella	Không phát hiện trong 25g
H5N1	Không phát hiện
Chì (Pb)	< 2 mg/kg
Thạch tín (As)	< 1 mg/kg
Thủy ngân (Hg)	< 0.05 mg/kg
Cadmium (Cd)	< 1 mg/kg
Antimony (Sb)	< 1 mg/kg
Hydrogen peroxide	< 1 mg/kg
Chất tẩy trắng	Không có